

LOẠI HÌNH CÁC SỰ TÌNH TRONG TIẾNG VIỆT

Hồ Thị Kim Ánh

Khoa Ngữ văn và Khoa học xã hội

Email: anhhtk@dhhp.edu.vn

Ngày nhận bài: 13/01/2021

Ngày PB đánh giá: 08/02/2021

Ngày duyệt đăng: 19/02/2021

TÓM TẮT: Theo ngữ pháp chức năng, mỗi câu đều thực hiện chức năng phản ánh nhận thức, kinh nghiệm của con người về thế giới thông qua một cấu trúc nghĩa - ngữ pháp phản ánh sự tình. Sự tình (vật, việc, hiện tượng) của hiện thực hết sức đa dạng. Khi dùng ngôn ngữ để diễn đạt sự tình, người sử dụng ngôn ngữ phải tổ chức sự tình phù hợp với tình huống, với cách nhìn nhận sự tình và mục đích của mình. Trong thế giới khách quan, mỗi vật, việc, hiện tượng đều có đặc trưng riêng, phân biệt với các vật, việc, hiện tượng khác. Đặc trưng của sự tình gắn với cấu trúc nghĩa biểu hiện. Chưa tính đến thế giới các quan hệ trừu tượng, cấu trúc phản ánh đặc trưng của sự tình là cấu trúc vị từ - tham thể..

Từ khóa: sự tình, vị từ, tham thể, vai nghĩa, cảnh huống

TYPES OF SITUATIONS IN VIETNAMESE

ABSTRACT: According to functional grammar, each sentence performs function of cognitive reflections, human experience about the world through a semantic - grammatical structure reflecting the situation. The situations (objects, things, phenomena) of reality are very diverse. When using language to express situations, language users must organize the context suitable with the situations, in their view of the situations and their purposes. In the objective world, each object, thing and phenomenon has its own characteristic (attribute), distinguished from other objects, things and phenomena. Characteristics of situation are associated with the structure of the expression meaning. Not to mention the world of abstract relations, the characteristic reflection structure of the situation is the predicate – object structure.

Keywords: situation, predicate, ambition, role meaning, situation

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cấu trúc vị từ - tham thể là cấu trúc nghĩa - ngữ pháp phản ánh sự tình của câu. Cấu trúc vị từ - tham thể một mặt phản ánh cấu trúc sự tình, mặt khác phản ánh phần cốt lõi trong cấu trúc nghĩa biểu hiện của câu. Điều này đã được nhiều nhà ngữ pháp chức năng khẳng định. L. Tesnière cho rằng: “*Cấu trúc Stemma của câu đơn đó là cấu trúc của một nút động từ với các*

hoạt tố quan hệ với nó” [9, tr 50]. Còn Ch. Fillmore thì khẳng định câu là sự kết hợp giữa một vị từ với một hoặc nhiều phạm trù “*cách*”.

Tính phức tạp, đa dạng của thực tế khách quan làm cho cấu trúc vị từ - tham thể cũng được thể hiện rất đa dạng. Có thực tế được thể hiện bằng những cấu trúc đơn giản, có thực tế lại được thể hiện bằng những cấu trúc phức tạp hơn, vì vậy sẽ có:

- Cấu trúc vị từ - một tham thể
- Cấu trúc vị từ - hai tham thể
- Cấu trúc vị từ - ba tham thể
- Cấu trúc vị từ - bốn tham thể
- Cấu trúc vị từ - không tham thể

Khi nằm trong một câu cụ thể, các yếu tố ở vị từ cho biết sự tình do câu diễn đạt mang tính động [+ động] hay không [- động] (tĩnh), thuộc về lĩnh vực vật chất, tinh thần hay lĩnh vực của các mối quan hệ trừu tượng. Do khả năng quyết định phẩm chất của toàn bộ sự tình như vậy, trong sự phân tích nghĩa của câu có thể coi các yếu tố ở vị từ là yếu tố chỉ sự tình động hoặc sự tình tĩnh, các yếu tố nghĩa quây quần xung quanh vị từ được gọi chung là các vai nghĩa. Mối quan hệ nghĩa giữa vị từ và các tham thể làm thành cấu trúc nghĩa biểu hiện của câu. Như vậy, phân tích cấu trúc nghĩa biểu hiện của câu là xác định vị từ cùng với các tham thể quây quần xung quanh nó, xác lập các mối quan hệ giữa tham thể với vị từ trong câu.

2. VỊ TỪ VÀ THAM THỂ

2.1. Vị từ

2.1.1. Tiêu chí nhận diện vị từ

Trong quan hệ với các vai nghĩa do tham thể biểu thị, vị từ là yếu tố ngôn ngữ chỉ đặc trưng của một sự tình. Vị từ thuộc loại nào là do bộ đôi tiêu chuẩn [động] và [chủ động] quy định.

* Nhận diện tính [+động]/ [-động] thông qua những từ tình thái chỉ tốc độ

Theo S.C Dik, dấu hiệu có tính chất đặc trưng của sự tình [+động] là chiều tốc độ và những tình thái hoặc phương thức có liên quan đến chiều này. Do đó, chỉ có những vị

từ [+động] mới kết hợp với những từ tình thái chỉ tốc độ nhằm diễn đạt sự khởi đầu hay kết thúc của một hành động và như thế chỉ có những sự tình hành động hoàn thành, hành động đang thực hiện, quá trình biến động, quá trình biến đổi mới có tính [+động]. Ngược lại, những sự tình [-động] là những sự tình thuộc về Trạng thái và Tư thế.

(1) Nó **đi** nhanh. (vị từ hành động)

(2) **Bóng hồng nở** từ từ. (vị từ quá trình)

(3) Con mèo **nằm** ngoài sân. (vị từ tư thế)

(4) **Thằng bé ốm**. (vị từ trạng thái)

Chỉ có những sự tình [+động] có vị từ hạt nhân [+động] được hình thức hóa bằng những trạng từ chỉ tốc độ đi kèm.

Trong tiếng Việt, có một số vị từ đặc trưng cho các sự tình hành động vì có thể gây nên tiếng động như: đánh, nổ, vỡ,... khi được bỏ nghĩa bằng những từ biểu thị âm thanh: *bốp, bịch, xẹt*... nhưng không thể xem như một tiêu chí, một “đặc trưng khiến cho một sự tình [+động] khu biệt với sự tình [-động] (tĩnh) là sự có mặt của âm thanh” vì quan điểm này không mang tính khái quát cho toàn bộ các sự tình [+động] mà nó chỉ đúng với một số vị từ kể trên còn những vị từ [+động] chỉ sự biến đổi, biến động không hề có khả năng gây nên tiếng động, cũng không hề có khả năng được bỏ nghĩa bằng những trạng ngữ biểu thị âm thanh.

Chẳng hạn: người ta có thể diễn đạt một sự tình [+động] với vị từ đánh: đánh vù một cái, đánh bốp một cái nhưng người ta không thể diễn đạt một sự tình cũng [+động] mà không bao giờ có khả năng kết hợp với các từ được biểu thị như: *tàn, úa, phai nhạt, hao mòn*...

Rõ ràng, các từ biểu thị âm thanh chỉ là đặc trưng riêng của một số vị từ [+động] chứ không phải và không thể là với tất cả vị từ đặc trưng [+động].

* Nhận diện tính [+động] và [-động] thông qua các từ tình thái: đã, xong, rồi

- Đã bao giờ cũng đặt trước vị từ hạt nhân để xác định các sự tình (hành động hoặc quá trình) do vị từ hạt nhân biểu thị diễn ra và hoàn thành trước một thời điểm được lấy làm mốc, do đó ở thời điểm nói nó không còn được diễn ra nữa.

Cho nên, khi đã kết hợp với một từ [+động] đương nhiên là diễn đạt một sự tình Động song vẫn hàm chỉ một trạng thái tĩnh nào đó.

(5) *Cây bàng đã đổ.*

Cái quá trình đổ của *cây bàng* đã diễn ra trước đó để lại một tình trạng (trạng thái) tĩnh nào đó.

Ngược lại đã kết hợp với các vị từ [-động] tức những vị từ biểu thị sự tình trạng thái và tư thế sẽ cho biết các sự tình do vị từ hạt nhân biểu thị bắt đầu có trước khi nói và vẫn tiếp tục tồn tại sau đó nữa nghĩa là hàm ẩn một quá trình.

- *Xong*

(6) *Nó làm xong bài tập.*

Từ *xong* kết hợp với vị từ hạt nhân nhằm diễn đạt ý nghĩa hết, không còn gì nữa (ý nghĩa kết thúc hoàn thành). Nét đặc trưng rõ nhất khu biệt một sự tình [+động] với một sự tình [-động] thông qua từ *xong* chính là: *xong* không bao giờ kết hợp với những vị từ biểu thị trạng thái, tư thế tức những sự tình tĩnh. Vậy, những sự tình được tình thái hóa bằng từ *xong* là những

sự tình [+động] tức những hành động, những quá trình.

- *Rồi*: trong những trường hợp nhất định, *rồi* và *xong* có thể thay thế cho nhau.

(7) *Ăn cơm chưa?* - Đã ăn *xong* (hoặc) - Ăn *rồi*.

Khi so với *xong*, một sự tình [+động] khi được tình thái hóa với từ *rồi* sẽ biểu thị một ý nghĩa hoàn thành dứt khoát hơn:

(8) *Làm bài chưa?* - Đã làm *xong* hoặc *làm chưa xong*.

- *Làm xong rồi*.

Ngược lại, các sự tình [-động] khi được tình thái hóa bằng từ *rồi* sẽ diễn đạt ý nghĩa đã hoàn thành nhưng đến thời điểm nói và sau khi nói vẫn còn tồn tại.

(9) *Nhà này cũ rồi*.

Trước khi phát ngôn, *nhà này* đã cũ và sau khi phát ngôn không có nghĩa là *nhà này* hết cũ mà tính chất, trạng thái *cũ* vẫn còn tồn tại trong một thời gian nhất định nào đó sau khi nói.

Rồi còn khác *xong* ở đặc điểm: nếu như *xong* chỉ có duy nhất khả năng kết hợp với vị từ hạt nhân diễn đạt sự tình [+động] thì ngược lại *rồi* vừa kết hợp được với các vị từ [+động] vừa kết hợp với vị từ [-động].

Như vậy, khi được tình thái hóa bằng từ *rồi* các vị từ [-động] sẽ diễn đạt một sự tình tĩnh chỉ sự bắt đầu, kết thúc trước khi nói và sau khi nói vẫn tồn tại và *rồi* kết hợp với các vị từ [+động] sẽ diễn đạt một sự tình [+động] chỉ sự kết thúc giai đoạn và chuyển sang một giai đoạn mới của sự vật.

* Nhận diện tính [+động]/ [-động] thông qua các từ chỉ hướng: *ra, vào, lên, xuống*....

Các vị từ hạt nhân [+động] và [-động] đều có thể có một vị từ chỉ hướng đi kèm với tư cách là một trạng ngữ. Song tùy thuộc vào vị từ hạt nhân [+động] và [-động] mà các trạng từ vị ngữ này sẽ diễn đạt những ý nghĩa khác nhau.

Khi đi kèm với vị từ [+động] biểu thị sự vận động dời chuyển (*chạy, nháy, bò...*) và những vị từ [+động] biểu thị sự vận động do chủ thể gây nên (đẩy, dắt, cắt, rót,...) thì bao giờ cũng hình thành một sự tình [+động] chỉ hướng hoặc đích: đi ra, ném vào, bước lên, ngã xuống.

Ngược lại, các vị từ hạt nhân [-động] khi đi kèm với các trạng ngữ: *ra, vào, lên, xuống...* sẽ có tác dụng biến một tư thế [-động] thành một hành động [+động] (động tác). Chẳng hạn *ngồi xuống* là chuyển từ tư thế đang đứng sang tư thế *ngồi*)

Tương tự, khi vị từ hạt nhân là đứng được kết hợp với *lên* thành ra đứng lên sẽ biểu thị sự chuyển tư thế trước đó là *ngồi*.

Vậy, chỉ có các vị từ [+động] mới kết hợp được với các trạng ngữ chỉ hướng đích, còn trong các kết cấu có vị từ hạt nhân là một cấu trúc gồm vị từ chỉ tư thế với một từ chỉ hướng thì sẽ cho ra những sự tình [+động] mặc dù vị từ hạt nhân là [-động].

* Nhận diện tính [+động]/ [-động] thông qua cấu trúc câu

Việc sắp xếp các yếu tố trong cấu trúc câu tồn tại sẽ đem lại tác dụng làm thay đổi một sự tình [+động] thành một sự tình [-động].

Chẳng hạn: vị từ *mọc* khi phân tích ở dạng biệt lập có ý nghĩa là một vị tố [+động] chỉ quá trình nhô lên khỏi bề mặt và tiếp tục lớn lên của một sự vật, hiện

tượng nào đó. Cho nên người ta dùng *mọc* để diễn đạt một sự tình động [+động] mang ý nghĩa chỉ quá trình.

(10) *Mặt trời mọc ở đằng Đông.*

Khi vị từ *mọc* được sắp xếp trong cấu trúc chuyên dùng cho câu tồn tại [giới từ + danh từ vị trí + động từ + danh từ] thì ý nghĩa [+động] (quá trình) của vị từ *mọc* đã chuyển thành vị từ [-động].

(11) *Bên bờ ao mọc một cây chanh.*

Khi nằm trong cấu trúc câu tồn tại (11), vị từ *mọc* không còn mang nét nghĩa [+động] nữa; sự xuất hiện của danh từ chỉ vị trí không gian trước vị từ *mọc* đã khử đặc trưng [+động] ở vị trí này và làm bộc lộ những nét nghĩa tư thế, trạng thái của vật trong không gian.

* Nhận diện tính [+động], [+chủ động]/ [-động], [-chủ động]

Nếu sự phân biệt các sự tình ở bậc thứ nhất giúp ta nhận diện được các sự tình [+động] hay [-động] tức là những Biến Cố hay Tình Thế có ý nghĩa quan trọng đối với sinh hoạt của tất cả động vật, thì sự phân biệt sự tình ở bậc thứ hai dọc theo thông số [chủ động] lại có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với con người. Vì trong mọi hoạt động của mình con người luôn gắn với ý thức trách nhiệm. Một ý thức giúp con người vừa chủ động trong việc của mình, vừa phân biệt được hoạt động nào là những hoạt động của vô tri tự nhiên, hoạt động nào là do một chủ thể nhất định gây ra.

Tính [chủ động] trong ngữ pháp chức năng luôn luôn đòi hỏi phải gắn với chủ thể có tri giác. Trong cấu trúc câu phản ánh nội dung sự tình hành động thì chủ thể thường trùng với chủ ngữ và đóng vai trò chủ ngữ

của những vị từ hạt nhân. Không có chủ thể tri giác sẽ không có bất kì một sự tình chủ động nào.

(12) *Cô giáo đang giảng bài.*

Ngược lại, các quá trình thì thường gắn với sự thay đổi thể trạng của sự vật, tức cũng mang thuộc tính [+động] nhưng cái [+động] này lại diễn ra không có sự can thiệp của chủ thể có tri giác, nghĩa là luôn luôn không có thông số [+chủ động].

(13) *Lá bàng từ màu xanh ngả sang đỏ.*

* Nhận diện tính [+động], [+chủ động]/ [+động], [-chủ động] bằng những vị tố tình thái hóa mang nghĩa chủ động

Một sự tình được coi là có tính chủ động bao giờ cũng chứa một vị tố hạt nhân [+động] gắn liền với một chủ thể có tri giác chính vì vậy mà nghĩa của những vị từ tình thái chỉ ý chí năng lực ... đứng trước vị từ hạt nhân và bổ ngữ cho nó thường bao hàm tính [+chủ động]. Đó là những vị từ như: *cần, phải, nên, đành, định, toan, tính, cố...*

(14) *Bệnh nhân phải gây mê trước khi phẫu thuật.*

* Nhận diện tính [+động], [+chủ động]/ [+động], [-chủ động] thông qua các yếu tố, các kiểu câu chỉ mục đích, mệnh lệnh

Mọi sự tình [+động], [+chủ động] trong tiếng Việt có thể được nhận diện dựa vào các yếu tố chỉ mục đích như: *vì, cho* hoặc kiểu câu mệnh lệnh. Vì thực tế cho thấy, hầu hết các hoạt động của con người đều hàm chứa mục đích. Rất hiếm trường hợp một người nào đó thực hiện một hành động mà không nhằm mục đích nào. Cho nên, có thể nói: một sự tình [+động], [+chủ động] tức một hành động luôn chứa đựng

một chủ thể hành động và mục đích của hành động.

(15) *Bác Hồ đã hy sinh cả cuộc đời vì độc lập tự do của tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân.*

Tương tự, đối với những kết cấu câu cầu khiến (mệnh lệnh) bao giờ cũng thể hiện một sự tình [+động], [+chủ động] bởi một lẽ rất dễ hiểu là: người ta chỉ có thể bày tỏ yêu cầu hay sai khiến một con người hay một động vật làm một việc mà chủ thể có thể tự điều khiển việc làm hoặc có khả năng hiện thực hóa điều được yêu cầu hay sai khiến, cho nên trong những cấu trúc câu cầu khiến thường xuất hiện những vị từ chuyên dùng như: *mời, giục, thỉnh cầu, xin, van, lệnh, ra lệnh cho, hãy, cho phép ...* và các từ *ngay, đi, đây ...* ở sau vị từ hạt nhân.

(16) *Tòa cho phép bị cáo ngồi xuống.*

Ngược lại các sự tình [+động] nhưng [-chủ động] không thể và không bao giờ được sử dụng trong kết cấu câu mục đích hay cầu khiến chẳng hạn: người ta không bao giờ chấp nhận những kết cấu phi logic và kỳ quặc, kiểu như:

(17) *Tôi ra lệnh cho anh mệt.*

Tôi van xin anh khỏe.

* Nhận diện tính [+động], [+chủ động]/ [+động], [-chủ động] thông qua cấu trúc câu hứa hẹn, cam kết

Một hành động chủ động có thể xảy ra ở con người và chỉ có con người mới là chủ thể duy nhất có thể đưa ra sự hứa hẹn, cam kết khi chủ thể chủ động được việc mình hứa hay cam kết. Cho nên nét nghĩa hứa, cam kết sẽ là những dấu hiệu giúp ta phân biệt một sự tình [+động], [+chủ động] với một sự tình [+động], [-chủ động] vì rằng

nếu không chủ động được việc mình làm người ta không bao giờ hứa hoặc cam kết. Ta có thể bắt gặp những sự tình sau:

(18) Tôi **hứa** với bạn là sẽ đến chơi nhà bạn.

Ngược lại ta sẽ không bao giờ chấp nhận những lời hứa hay cam kết mà chủ thể không bao giờ chủ động được.

(19) Tôi **hứa** là tôi sẽ trúng xổ số.

* Nhận diện sự tình [+động], [+chủ động]/[+động], [-chủ động] thông qua các vai công cụ, phương tiện

Nếu một sự tình [+động], [+chủ động] có chủ thể là người hay động vật khác, thì đặc trưng hoạt động của chủ thể có gắn với công cụ, phương tiện là đặc trưng chỉ có duy nhất ở người (chủ thể của hành động). Cho nên, sự xuất hiện của các vai công cụ, phương tiện trong một sự tình bao giờ cũng ẩn giấu một chủ thể là người chứ không thể là động vật hay vật vô tri vô giác.

Vậy các sự tình động, có các vai công cụ bổ ngữ cho vị từ hạt nhân thì bao giờ sự tình đó cũng là một sự thể có tính [+động] và [+chủ động] vì rằng chỉ có chủ thể người mới biết chế tạo, sử dụng cũng như chọn lựa phương tiện, công cụ nào phù hợp với hành động để mang lại hiệu quả cao trong hoạt động.

(20) **Bức tranh này được vẽ bằng loại màu đặc biệt.**

Như vậy, những yếu tố chỉ vai công cụ, phương tiện vừa xác định tính chất [+động] của những vị từ hạt nhân, vừa khẳng định sự tác động của một chủ thể [+chủ động], ngay cả trong những trường hợp cấu trúc câu không có mặt chủ ngữ vẫn diễn đạt một sự tình [+động] [+chủ động].

(21) **Bức tranh này vẽ bằng sơn dầu.**

Ngược lại, trong một sự tình [+động], [-chủ động] không bao giờ có vai công cụ phương tiện bổ ngữ cho vị từ hạt nhân, vì rằng vai công cụ luôn luôn là dấu hiệu đặc trưng cho sự kết hợp giữa một chủ ngữ tác thể là những con người hành động. Cho nên những yếu tố công cụ không bao giờ có thể kết hợp với những vị từ hạt nhân diễn đạt sự tình [+động], [-chủ động], tức những quá trình.

Nghĩa học không bao giờ chấp nhận những kết hợp phi logic kiểu như:

(22) **Cái cây đổ bằng cửa.**

2.1.2. Các loại vị từ

Căn cứ vào các tiêu chuẩn nhận diện ở mục trên, vị từ được phân biệt thành 4 loại sau:

- Vị từ chỉ hành động: là những vị từ biểu thị sự tình có đặc trưng [+động], [+chủ động] của người và vật.

(23) **Dũng đá mạnh vào sườn chú Mười.** [5, 43]

Chủ thể **Dũng** chỉ đối tượng con người cho biết hành động đá có tính [+động], [+chủ động]. Vị từ đá là vị từ hành động.

- Vị từ chỉ quá trình: là những vị từ biểu thị sự tình có đặc trưng [+động], [-chủ động] của người và vật.

(24) **Lá bay loạn xạ.** [1, tr 383]

Chủ thể vật vô sinh **lá** là một bộ phận của loài thực vật, hành động **bay** có tính [+động] nhưng [-chủ động]. Vị từ **bay** là vị từ quá trình.

- Vị từ chỉ tư thế: là những vị từ biểu thị sự tình có đặc trưng [-động], [+chủ động] của người và vật.

(25) *Thu nằm im, lim dim mắt.* [2, tr 264]

Vị từ *nằm* có tính [-động] vì chủ thể *Thu* chỉ đối tượng con người phải có chủ ý mới đặt thân mình ở tư thế tiếp xúc với một mặt nền đượ. Vị từ *nằm* có đặc trưng [-động], [+chủ động] là vị từ tư thế.

- Vị từ chỉ trạng thái: là những vị từ biểu thị sự tình có đặc trưng [-động], [-chủ động] của người và vật.

(26) *Gần một tiểu đội địch chết đứng giữa một cái nhà kho chứa nhựa đường.* [3, tr 172]

Vị từ *chết* trong (26) mang đặc trưng [-động], biểu thị sự ngừng trao đổi chất của cơ thể sống mà chủ thể [+người] *gần một tiểu đội địch* chắc chắn [-chủ động]. Vị từ *chết* mang đặc trưng [-động], [-chủ động] là vị từ trạng thái.

2.2. Tham thể

2.2.1. Tham thể là gì?

Cao Xuân Hạo cho rằng: “*Tham gia vào sự tình có những tham tố (Participants) của sự tình, gồm những diễn tố (Actans) và những chu tố (Circumstants) – “những kẻ đứng xung quanh”. Các diễn tố là những vai trò tất yếu được giả định sẵn trong nghĩa của vị từ*” [4, tr 8]. Đồng thời, ông dẫn lại tư tưởng của S.C. Dik: “*Theo S.C. Dik (1981), một cấu trúc chủ vị hạt nhân (nuclear predication) xét toàn bộ biểu thị một sự tình (State of affairs) được xác định bởi cái thuộc tính hay mối quan hệ do vị ngữ biểu thị liên kết các thực thể do danh tố biểu thị.*” [4, tr 47]

Như vậy, cùng với vị từ, tham gia vào sự tình được phản ánh trong câu còn có các tham thể tham gia vào với một chức năng nghĩa nhất định. Hạt nhân của sự tình do

động từ, tính từ biểu thị, các tham thể do các danh từ, cụm danh từ hoặc các đại từ biểu thị. Liên hệ với cấu trúc ngữ pháp thì tham thể chính là chủ ngữ, bổ ngữ hoặc trạng ngữ trong câu. Căn cứ vào tiêu chí “diễn” hoặc “không diễn”, các tham thể được M.A.K. Halliday phân biệt thành hai loại là: tham thể (tham thể cơ sở, diễn tố) và cảnh huống (chu cảnh, chu tố, tham thể mở rộng). *Tham thể* là tất cả các chức năng nghĩa liên quan trực tiếp đến sự tình, chịu sự chi phối trực tiếp của vị từ hoặc phải được ý nghĩa ở vị từ chấp nhận. *Cảnh huống* là những chức năng nghĩa phụ trợ, tùy thuộc, bổ sung vào sự thể các yếu tố thuộc về hoàn cảnh và tình huống như: không gian, thời gian, cách thức, phương tiện ... giúp cho sự tình được mở rộng, hoàn chỉnh hơn.

(27) *Tôi xiết chặt cái vai nhỏ nhắn và mềm mại của Nho dưới cánh tay mình.* [1, tr 392]

Sự tình (27) có các tham thể:

- Chủ thể *tôi*, đối thể *cái vai nhỏ nhắn và mềm mại của Nho*

- Cách thức *chặt*, vị trí *dưới cánh tay mình*

2.2.2. Các loại tham thể

Hiện nay, số lượng và tên gọi các tham thể chưa thống nhất giữa các nhà nghiên cứu. Vì mỗi yếu tố ngôn ngữ khi đảm nhiệm một chức năng nghĩa trong sự tình bao giờ cũng bị chi phối bởi chính nội dung ý nghĩa sự tình biểu đạt, mà hiện thực khách quan thì có muôn vàn vật, việc, hiện tượng nên khó có thể xác định được một cách chính xác số lượng các tham thể nếu tách khỏi cái sự tình chứa chúng. Mỗi sự tình sẽ ấn định một hoặc các tham thể nhất định. Do vậy,

có bao nhiêu cấu trúc vị từ - tham thể trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ sẽ có bấy nhiêu tham thể được hiện thực hóa, danh sách các tham thể sẽ luôn là một danh sách mở. Các nhà ngữ pháp chức năng trong và ngoài nước đã có những quan điểm ít nhiều khác biệt về các tham thể.

Theo quan điểm của người viết, chức năng nghĩa cụ thể của các tham thể trong câu phụ thuộc vào hoàn cảnh giao tiếp của câu, có bao nhiêu hoàn cảnh thì sẽ có bấy nhiêu kiểu vai nghĩa đi kèm với vị từ trung tâm. Với cách hiểu như vậy, người viết hoàn toàn đồng tình với kết quả tổng hợp 13 tham thể theo tác giả Diệp Quang Ban trong [3, tr 92 - 97], đó là:

- Động thể: là thực thể tạo ra tính động, cụ thể là có khả năng làm cho thực thể khác vận động, hoặc chính nó nằm trong sự vận động.

- Đương thể: là thực thể không mang tính động, chịu một tình trạng (“đương” như trong từ đám đương).

- Cảm thể: là thực thể (người hoặc giống như người) có tri giác và có nhận thức, cảm thể còn được gọi là nghiệm thể.

- Phát ngôn thể: là thực thể (người hoặc giống như người) sử dụng tiếng nói.

- Đích thể: là thực thể chịu tác động của hành động nêu ở vị từ.

- Tiếp thể: là thực thể nhận vật trao.

- Đặc lợi thể: là thực thể được lợi do kết quả của hành động nêu ở vị từ đưa lại.

- Vị trí: là nơi mà một vật nào đó được định vị bên trong sự việc, thể vị trí nằm trong cấu trúc cơ sở của câu, giữ chức năng cú pháp bổ ngữ.

- Đích đến: là điểm đến của sự vận động nêu ở vị từ.

- Thời gian: là yếu tố chỉ hoàn cảnh thời gian trong sự việc, hiện tượng.

- Không gian: là yếu tố chỉ hoàn cảnh không gian trong sự việc, hiện tượng.

- Phương tiện (công cụ), Cách thức: là yếu tố chỉ phương tiện (công cụ) trong sự việc, hiện tượng.

- Nguyên nhân, điều kiện, kết quả, mục đích, nghịch đối.

(28) *Nam chạy*. (Động thể)

(29) *Nước chảy mạnh*. (Đương thể)

(30) *Nó suy nghĩ nhiều lắm*. (Cảm thể)

(31) *Họ* bàn về dự án khu đô thị mới. (Phát ngôn thể)

(32) *Cậu bé* đang viết thư. (Đích thể)

(33) *Cậu bé gửi thư cho bạn*. (Tiếp thể)

(34) *Mẹ rửa chân cho con*. (Đặc lợi thể)

(35) *Con mèo ngủ ở thêm nhà*. (Vị trí)

(36) *Con mèo tha con chuột vào bếp*. (Đích đến)

(37) *Họ đến đây lúc 5 giờ chiều*. (Thời gian)

(38) *Xa xa, một cánh diều đang bay*. (Không gian)

(39) *Giáp mở cửa bằng chìa khóa riêng*. (Phương tiện)

(40) *Giáp chăm chỉ học tập nên đã đỗ cao*. (Kết quả)

3. KẾT LUẬN

Ngữ pháp chức năng đã phát triển mạnh trong suốt vài thập kỉ và đến nay, hệ thống lý luận về thứ ngữ pháp mới mẻ này ngày càng hoàn thiện. Mỗi câu đều thực

hiện chức năng phản ánh nhận thức, kinh nghiệm của con người về thế giới thông qua thành tố nghĩa biểu hiện và cũng là cấu trúc nghĩa - ngữ pháp phản ánh sự tình. Trong cấu trúc nghĩa biểu hiện, bốn kiểu vị từ là lõi của bốn loại sự tình, đó là vị từ hành động, vị từ quá trình, vị từ tư thế, vị từ trạng thái. Bên cạnh các vị từ, tham gia vào sự tình còn có các tham thể đảm nhận những vai nghĩa nhất định. Các tham thể gồm: chủ thể, đối thể, đặc lợi thể, tiếp thể, cách thức, phương tiện, vị trí, thời gian, không gian, ...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệp Quang Ban (1987), *Câu đơn tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
2. Diệp Quang Ban (2004), *Ngữ pháp Việt Nam, phần Câu*, Nxb Đại học Sư phạm.
3. Diệp Quang Ban (2005), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Cao Xuân Hạo (1991), *Tiếng Việt sơ thảo ngữ pháp chức năng, Quyển 1*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

5. Nguyễn Văn Hiệp (2006c), *Cấu trúc vị từ - tham thể và nghĩa miêu tả của câu*, Tạp chí ngôn ngữ, số 2, tr 20 – 31.

6. Nguyễn Văn Hiệp (2009), *Cú pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

7. Nguyễn Văn Hiệp (2012), *Cơ sở ngữ nghĩa phân tích cú pháp*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

8. Đỗ Việt Hùng (2014), *Vai trò của các tham tố trong miêu tả và phân loại sự tình*, số 1, tr 24 – 27.

9. Nguyễn Văn Lộc (1995), *Kết quả của động từ tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

10. Nguyễn Thị Lương (2009), *Câu tiếng Việt*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

NGŨ LIỆU KHẢO SÁT

11. *Truyện ngắn Việt Nam chọn lọc* (1997), tập 2, Nxb Hà Nội.

12. *Tuyển tập truyện ngắn Việt Nam 1945 – 2005* (2005), Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội.

13. Nguyễn Minh Châu (2001), *Dấu chân người lính* (tiểu thuyết), Nxb Văn học, Hà Nội.

14. Nguyễn Công Hoan (1996), *Truyện ngắn tuyển chọn*, tập 1 - 2, Nxb Văn học, Hà Nội.

15. Nguyễn Bình Phương (2004), *Thoạt kì thủy* (tiểu thuyết), Nxb Hội nhà văn.

SỰ VẬN DỤNG SÁNG TẠO ĐƯỜNG LỐI CHIẾN TRANH NHÂN DÂN CỦA ĐẢNG TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945-1954)

Nguyễn Thị Chiên

Khoa Lý luận chính trị

Email: chiennt@dhhp.edu.vn

Ngày nhận bài: 13/01/2021

Ngày PB đánh giá: 08/02/2021

Ngày duyệt đăng: 19/01/2021

TÓM TẮT: Đường lối chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc là sự kế thừa tư tưởng, nghệ thuật quân sự truyền thống của cha ông chúng ta trong lịch sử dựng nước và giữ nước. Truyền thống đó được phát huy cao độ trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954). Sự sáng tạo của Đảng trong việc vận dụng đường lối chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc được thể hiện ở phương châm tiến hành kháng chiến: chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính. Đường lối chiến tranh nhân dân còn được thể hiện ở xác định lực lượng kháng chiến, phương thức tiến hành kháng chiến, chống lại âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của thực dân Pháp. Đó chính là nguyên nhân quan trọng nhất để làm nên chiến thắng vẻ vang của dân tộc mà đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên phủ “lừng lẫy năm châu chấn động địa cầu”.

Từ khóa: Vận dụng sáng tạo, đường lối kháng chiến, Đảng cộng sản Việt Nam

VIETNAM COMMUNIST PARTY'S CREATIVE APPLICATION OF THE PEOPLE'S WAR IN THE WAR AGAINST FRENCH COLONISTS (1945-1954)

ABSTRACT: The strategy of people's war to protect the Fatherland is considered the inheritance of our ancestors' traditional military ideology and art in the history of national construction and defense. That tradition was highly promoted in the resistance war against the French colonial invasion (1945-1954). The Party's creativity was shown in the motto of the resistance: people's war, all people, all aspects, long-term war, self-reliance. That strategy was also reflected in the determination of the resistance force, the method of conducting the resistance war, against the French colonialist's plot of quick defeat and quick conquer. That is the most important reason for a glorious national victory, culminating in the campaign Dien Bien Phu “famous in five continents shocks the earth”.

Keywords: Applying creativity, the strategy of people's war, Communist Party of Vietnam

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa gặp muôn vàn khó khăn thử thách, vận mệnh

dân tộc như “ngàn cân treo sợi tóc”. Thù trong giặc ngoài, kẻ thù lăm le xâm lược, chính quyền vừa mới thành lập còn trẻ non trẻ, kinh tế thì khó khăn. Ngày 23 tháng 9 năm 1945, khi chúng ta giành